

Số: 396/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Trí Dũng thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH 15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 27/01/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 141/QĐ-SYT ngày 13/01/2026 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Trí Dũng thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Trí Dũng thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng, cụ thể như sau:

- Số giấy phép hoạt động: 1120/BN-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 02/02/2026.
- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa.
- Quy mô, cơ cấu tổ chức: 01 chuyên khoa Răng hàm mặt.



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2401045146 của Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 26/9/2025.

- Địa chỉ hoạt động: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 04, TDP Núi Hiều, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.

- Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 8h00 đến 20h00 các ngày từ Thứ Hai đến Chủ Nhật.

- Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 27280

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Lê Hữu Niên, chứng chỉ hành nghề số 000746/HNO-CCHN do Sở Y tế thành phố Hà Nội cấp ngày 28/05/2012, phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện 54 danh mục kỹ thuật thuộc chương Răng hàm mặt theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế được Sở Y tế phê duyệt (*theo Phụ lục 01 đính kèm*).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 02 người hành nghề (*theo Phụ lục 02 đính kèm*).

Điều 2. Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Trí Dũng thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng có trách nhiệm thực hiện đúng quy mô, phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt Trí Dũng thuộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển dịch vụ y tế Trí Dũng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- UBND phường Nénh;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLHN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 01.

**PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HIỆN
TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT TRÍ DŨNG THUỘC
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ Y TẾ TRÍ DŨNG**

*(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-SYT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Sở Y tế
tỉnh Bắc Ninh)*

STT	Thông tin theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế			
	TT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
2	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
3	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
4	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi
5	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
6	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
7	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
8	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
9	14370	16.55	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
10	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
11	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
12	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
13	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
14	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
15	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
16	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite

STT	Thông tin theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế			
	TT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
17	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
18	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
19	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
20	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
21	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chót chân răng bằng các vật liệu khác nhau
22	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sòng bằng máng thuốc
23	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng vôi thuốc chống ê buốt
24	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
25	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
26	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
27	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
28	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
29	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
30	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
31	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
32	14448	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hờ mặt nhai
33	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
34	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
35	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
36	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
37	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
38	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa

STT	Thông tin theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế			
	TT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
39	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
40	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
41	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
42	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
43	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
44	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
45	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
46	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
47	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
48	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
49	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
50	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
51	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
52	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
53	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
54	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa

Phụ lục 02.
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT MINH ĐĂNG
THUỘC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ MINH ĐĂNG

(Kèm theo Quyết định số 396/QĐ-SYT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh)

TT	Họ tên	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có)
1	Lê Hữu Niên	000746/HNO-CCHN cấp ngày 28/5/2012	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Từ 08h00 đến 20h00 các ngày từ thứ Hai đến Chủ nhật	Bác sĩ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Không
2	Nguyễn Hải Yến	005651/TNG-CCHN cấp ngày 07/3/2018	Điều dưỡng	Từ 08h00 đến 20h00 các ngày từ thứ Hai đến Chủ nhật	Điều dưỡng	Không